

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TS. PHAN ÁNH HÈ^(*)

Thời gian tới, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) tiếp tục được đẩy mạnh, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực đã, đang và còn nhiều diễn biến phức tạp. Các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các hiệp định song phương, đa phương thế hệ mới. Mặt khác, Việt Nam sẽ phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế sâu rộng hơn rất nhiều so với giai đoạn trước. Để có thể thành công, Việt Nam cần có những giải pháp trên cơ sở “định vị” lại vai trò của Nhà nước trong quản lý kinh tế vĩ mô nhằm tạo ra “địa” cho phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

1. Đặc điểm quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước trong điều kiện toàn cầu hóa và HNKTQT

Toàn cầu hóa và HNKTQT ngày càng diễn ra một cách sâu rộng, cùng với sự phát

triển của nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã và đang tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế của các quốc gia, cũng như đến **cách thức và yêu cầu quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước**, cụ thể:

Một là, thay đổi sự can thiệp của nhà nước trong việc giải quyết các thất bại của thị trường

Toàn cầu hóa và HNKTQT với những điều kiện kinh tế mới, thị trường và công nghệ mới đã và đang làm thay đổi tính chất thất bại của thị trường, đặt ra những vấn đề mới về phạm vi và mức độ can thiệp của nhà nước trong việc giải quyết các thất bại của thị trường.

Những thành tựu trong lĩnh vực công nghệ ngày nay đã làm cho khái niệm độc quyền tự nhiên trở nên không còn ý nghĩa trong lĩnh vực sản xuất điện, giao thông vận tải (đường sắt, hàng không), dịch vụ viễn thông (điện thoại, điện báo) và trong nhiều lĩnh vực khác. Trước đây, do tính chất độc quyền tự nhiên nên những lĩnh vực này đã được ấn định cho khu vực công. Ngày nay, ở nhiều quốc gia, chính phủ đã dần rút khỏi một số các hoạt động, nhường chỗ cho thị trường

^(*) Học viện Hành chính quốc gia

và khu vực tư thực hiện có hiệu quả hơn.

HNKTQT cùng với sự đa dạng của nó cũng đang mở ra những thay đổi to lớn về cách thức mà thị trường hoạt động hoặc có thể hoạt động. Sự cạnh tranh từ bên ngoài làm cho hoạt động của thị trường trong nước trở nên hiệu quả hơn bằng cách gia tăng các áp lực cạnh tranh đối với những cái mà trước đây là độc quyền nội địa. Trong một số lĩnh vực, việc tiếp cận với các thị trường nước ngoài đã mở ra nhiều cơ hội lựa chọn mới bên cạnh những cái trước đây theo truyền thống là do thị trường nội địa cung cấp hoặc chủ yếu do khu vực công đảm nhận.

Hội nhập cũng làm cho đường biên giới giữa các quốc gia "mờ" đi và ít bị giới hạn hơn, từ đó tạo điều kiện cho các cá nhân cũng như cho nhà nước nhiều khả năng lựa chọn hơn. Các cá nhân có nhiều cơ hội dễ dàng hơn so với trước đây trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ, như chăm sóc y tế, giáo dục, bảo hiểm... ở nước ngoài. Ở những khía cạnh nhất định, các dịch vụ này đã trở thành hàng hóa mậu dịch. Theo đó, khu vực công có thể tiết giảm được chi phí đầu tư bằng việc tiếp nhận các nguồn đầu tư từ bên ngoài.

Hai là, tính độc lập của chính sách kinh tế quốc gia trở nên tương đối

HNKTQT làm gia tăng mạnh mẽ sự đan xen và tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Sự phát triển nhanh chóng và bành trướng của các công ty đa quốc gia, sự vận động liên tục của các luồng tài chính, sức ép cạnh tranh, vai trò của các tổ chức phi chính phủ, cùng với những quy tắc, luật lệ của các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực đã, đang tạo ra những tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ đến vị thế, vai trò của nhà nước cũng như chính sách kinh tế quốc gia.

HNKTQT làm giảm tương đối tính độc lập của các chính sách kinh tế quốc gia. Nó ràng buộc chính phủ các quốc gia trước những lựa chọn về chính sách trong nước,

hướng tới sự thống nhất về chính sách kinh tế trong thế giới đa dạng và phức tạp. Ngày nay, không chính sách kinh tế của quốc gia nào có thể cô lập, tách biệt khỏi hệ thống kinh tế, chính trị toàn cầu. Sức ép toàn cầu hóa đang ngày càng đòi hỏi mỗi quốc gia phải có chính sách kinh tế không những phù hợp với điều kiện trong nước, mà còn phải tính đến những yếu tố quốc tế.

Mặt khác, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin đã tạo ra những tác động to lớn, giúp nâng cao nhận thức và tạo điều kiện cho mọi tầng lớp dân cư trong xã hội có khả năng tiếp cận cũng như phản biện đối với các nguồn thông tin từ chính quyền trung ương và địa phương. Hơn nữa, việc dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội cũng nâng cao vị thế, tiếng nói của người dân và các cộng đồng dân sự.

Ba là, tạo ra áp lực lớn cho chính phủ trong điều tiết kinh tế vĩ mô

Cùng với quá trình HNKTQT, các hàng rào thuế quan dần bị dỡ bỏ bởi các hiệp định song phương và đa phương. Điều này đồng nghĩa với việc hiệu lực điều tiết nền kinh tế quốc dân của nhà nước bằng chính sách bảo hộ mậu dịch và thuế quan sẽ giảm đáng kể. Mặt khác, nó cũng gây ra áp lực đối với việc thu các loại thuế xuất, nhập khẩu mà trước đây từng là nguồn thu chủ yếu đối với các nước đang phát triển. Việc giảm các nguồn thu từ thuế đã làm giảm khả năng kinh tế của nhà nước trong việc thực hiện các hoạt động đòi hỏi từ nguồn chi tiêu công. Điều này đặt ra áp lực đòi hỏi chính phủ phải gọn nhẹ hơn, hiệu quả hơn và các chương trình đầu tư phải được cân nhắc kỹ hơn.

Mặt khác, ngày nay, những người nộp thuế có nhiều sự lựa chọn trong hoạt động giao dịch, như thương mại điện tử, tiền điện tử, giá cả chuyển nhượng được sử dụng bởi nhiều tập đoàn đa quốc gia, các điều kiện xuất khẩu vốn tài chính thuận lợi, mua sắm ở nước ngoài... Do đó, họ có thể dễ dàng hơn

trong việc né tránh những khoản thuế cao, tạo ra ngày càng nhiều những khó khăn đối với các nhà quản lý thuế.

Bốn là, khó khăn cho các quốc gia trong việc kiểm soát đối với các luồng chu chuyển

Không chỉ chịu áp lực cạnh tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau trên phạm vi quốc tế, mà ngay trong quốc gia, nhà nước sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm soát, phân luồng và khi cần thì ngăn chặn đối với các loại luồng chu chuyển, như các luồng di cư, luồng hàng hóa, tiền tệ và nhất là luồng thông tin.

Với những thành tựu vượt bậc về công nghệ thông tin, truyền thông, đặc biệt sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng của mạng lưới thông tin toàn cầu (WWW), mọi người ở khắp nơi trên trái đất đều có thể truy cập, liên lạc, thảo luận và có khả năng truyền tải đến mọi nơi trên hành tinh bất kỳ loại thông tin mã hóa nào: tiếng nói, âm thanh, văn bản, hình ảnh ... Internet hiện đã trở thành sản phẩm của toàn cầu. Nó tự vận động và phát triển theo những nguyên tắc riêng, vượt ra ngoài sự chi phối, ngăn trở của bất cứ một tổ chức hay chính phủ nào.

Tóm lại, toàn cầu hóa và HNKTQT ngày càng tác động sâu sắc đến quản lý kinh tế vĩ mô của các nhà nước hiện đại. Quá trình này, một mặt, làm giảm bớt ở mức độ nhất định vai trò quản lý kinh tế của các nhà nước; mặt khác, nó đòi hỏi tăng cường, củng cố quyền lực của nhà nước trên một số mặt và phương diện khác. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế ngày nay không thể thiếu vai trò của nhà nước.

2. Quá trình HNKTQT của Việt Nam

- Về tiến trình HNKTQT của Việt Nam

Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng và đã tham gia hầu hết các tổ chức, định chế quốc tế, khu vực chủ yếu trên thế giới, cụ thể:

Tháng 7/1995 Việt Nam gia nhập ASEAN. Đây được coi là bước đột phá trong

tiến trình HNKTQT của Việt Nam. Ngày 22/11/2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký Tuyên bố Kuala Lumpur chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN, trong đó có Cộng đồng Kinh tế ASEAN ra đời vào ngày 31/12/2015. Nước ta tham gia ASEAN và thực hiện các cam kết xây dựng Cộng đồng ASEAN sẽ đóng góp thiết thực cho việc góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định, cải thiện môi trường luật pháp trong nước, tạo thuận lợi cho sản xuất - kinh doanh và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đây cũng là cơ sở, tiền đề giúp Việt Nam tham gia các khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương khác.

Việt Nam là thành viên tham gia sáng lập và là thành viên tích cực của Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996; được kết nạp vào Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) vào năm 1998. Việt Nam đã được đánh giá là một trong những thành viên năng động, có nhiều sáng kiến hợp tác và đóng góp tích cực cho các diễn đàn hợp tác quốc tế quan trọng này.

Tháng 01/2007 Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đánh dấu sự hội nhập toàn diện của nước ta vào kinh tế thế giới. Với việc gia nhập WTO, Việt Nam đã tiến hành nhiều cải cách chính sách kinh tế, thương mại, đầu tư đồng bộ, theo hướng minh bạch và tự do hóa hơn, góp phần quan trọng cho việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Cùng với xu hướng hình thành các khu vực thương mại tự do trên thế giới, tính đến nay, Việt Nam đã tham gia thiết lập 12 hiệp định thương mại tự do (FTA) với 56 quốc gia và nền kinh tế trên thế giới, trong đó 6 FTA do Việt Nam chủ động tham gia ngoài khuôn khổ nội khối ASEAN hoặc với nước đối tác của ASEAN. 12 FTA Việt Nam đã tham gia gồm: WTO, TPP, Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA), ASEAN - Hàn Quốc, ASEAN - Nhật Bản,

ASEAN - Úc - New Zealand, ASEAN - Ấn Độ, Việt Nam - Chile, Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - EU, Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu, Việt Nam - Hàn Quốc.

Gần đây, Việt Nam đã ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Việc tham gia vào Hiệp định TPP sẽ giúp Việt Nam nắm bắt và tận dụng tốt hơn các cơ hội do quá trình hội nhập kinh tế khu vực đem lại; đồng thời có thêm điều kiện, tranh thủ hợp tác quốc tế để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế.

- Thành tựu đạt được và những rào cản, thách thức

Quá trình HNKTQT 30 năm qua đã mở ra không gian phát triển mới cho nền kinh tế Việt Nam, mở rộng quan hệ hợp tác sâu rộng với các quốc gia trong khu vực và thế giới, gia tăng tiềm lực cho nền kinh tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, cụ thể: (1) Tác động mạnh đến sự tăng trưởng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường, thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế, thúc đẩy thương mại, tăng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và mở rộng quan hệ hợp tác phát triển (ODA); (2) Góp phần "lan tỏa" tích cực trong nền kinh tế, nhất là tạo thêm việc làm, cải thiện thu nhập cho mọi tầng lớp dân cư, tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh (quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm); (3) Tiếp thu được khoa học - công nghệ mới và kỹ năng quản lý tiên tiến, góp phần phát triển nguồn nhân lực có trình độ và năng lực cao; (4) Góp phần hoàn thiện thể chế trong nước trên góc độ: pháp luật và tổ chức bộ máy, cùng với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo hiệu ứng tích cực thúc đẩy cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, hoàn thiện môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế trong dài hạn, cải thiện môi trường

kinh doanh; (5) Các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tham gia chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất khu vực và toàn cầu, chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao.

Bên cạnh những thành tựu, kết quả đạt được, HNKTQT của Việt Nam cũng đang đứng trước không ít những rào cản, thách thức: *Một là*, về cơ bản nền kinh tế vẫn dựa chủ yếu vào tăng trưởng thương mại, vào khai thác tài nguyên, khoáng sản, xuất khẩu hàng nông sản thô với hàm lượng chế biến thấp và gia công hàng hóa ở công đoạn thấp của chuỗi giá trị (dệt may, da giày, điện tử...). *Hai là*, tăng trưởng xuất khẩu nhanh nhưng chưa thực sự vững chắc; chất lượng tăng trưởng và hiệu quả xuất khẩu còn thấp; còn phụ thuộc nhiều vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nhập siêu vẫn là nguy cơ, còn không ít bất cập trong cơ cấu nhập khẩu. *Ba là*, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nói riêng và của nền kinh tế Việt Nam nói chung còn thấp. Năng suất lao động tăng chậm, thu hút đầu tư vẫn chủ yếu dựa vào lợi thế ngắn hạn: nhân công và mặt bằng rẻ, những ngành thâm dụng yếu tố đầu vào, giá trị gia tăng thấp. *Bốn là*, khả năng tích lũy vốn nhân lực và tiến bộ công nghệ của Việt Nam còn rất khiêm tốn, biểu hiện ở mức năng suất lao động thấp và trình độ công nghệ của đa số doanh nghiệp còn khá lạc hậu. *Năm là*, các hoạt động HNKTQT và mở rộng quan hệ trong các lĩnh vực chưa được triển khai đồng bộ, nhịp nhàng trong một chiến lược tổng thể. *Sáu là*, chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện. Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập. Cải cách hành chính trì trệ, tiêu cực, tham nhũng vẫn là những rào cản chủ yếu trong nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư quốc gia.

3. Giải pháp hoàn thiện quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước để tạo “địa” cho phát triển nền kinh tế trong giai đoạn mới

Một là, tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế phù hợp với pháp luật quốc tế và của WTO

Theo yêu cầu thượng tôn pháp luật, không phân biệt đối xử và minh bạch của WTO và các tổ chức kinh tế quốc tế khác, môi trường thể chế kinh tế của Việt Nam cần được tiếp tục rà soát và hoàn thiện. Cụ thể là: (1) Rà soát, hoàn thiện hệ thống luật pháp theo 16 hiệp định đa phương của WTO đã ký kết nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, phù hợp với những yêu cầu, nguyên tắc của WTO về đối xử quốc gia và tối huệ quốc; (2) Sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản, quy phạm pháp luật phục vụ cho quá trình HNKTQT của Việt Nam trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các cam kết, chuẩn mực trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, tạo sự phù hợp giữa pháp luật trong nước và quốc tế, bảo đảm thực hiện đúng các cam kết quốc tế trong hội nhập; (3) Rà soát các văn bản hướng dẫn thi hành luật để loại bỏ những văn bản chồng chéo, trùng lặp, trái ngược nhau, không phù hợp với thực tế và thiếu tính khả thi, đồng thời nâng cao chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật về tính hiệu lực, hiệu quả và sự ổn định tương đối của văn bản.

Hai là, phát triển đồng bộ các loại thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, cụ thể:

- Đối với thị trường hàng hóa và dịch vụ: Tổ chức, phát triển thị trường nội địa theo hướng ổn định, văn minh, hiện đại... phù hợp với các xu hướng chung của HNKTQT. Mở cửa thị trường cho dịch vụ phân phối theo các cam kết với WTO và trên cơ sở cân nhắc về lộ trình, để hạn chế những rủi ro cho thị trường nội địa, tạo động lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước. Tự

do hóa thương mại trên cơ sở thực hiện các cam kết song phương, đa phương và theo thông lệ quốc tế.

- Đối với thị trường tài chính: Phát huy vai trò điều tiết thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước như một ngân hàng trung ương hiện đại để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và kiểm soát lạm phát. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút nhiều loại hình chủ thể tham gia vào thị trường tiền tệ. Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho sự hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán.

- Đối với thị trường bất động sản: Tổ chức rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thúc đẩy và quản lý thị trường bất động sản phát triển ổn định, bền vững và lành mạnh. Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn, bảo đảm thị trường bất động sản phát triển theo quy hoạch, có kế hoạch. Hoàn thiện chính sách thuế, phí và lệ phí liên quan tới bất động sản để khuyến khích sử dụng có hiệu quả bất động sản, hạn chế đầu cơ, trốn thuế cũng như tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Xây dựng hệ thống thông tin, dự báo về thị trường bất động sản, làm cơ sở cho hoạch định chính sách, quản lý thị trường bất động sản.

- Đối với thị trường lao động: Đổi mới cơ chế điều tiết quan hệ giữa cung và cầu về số lượng và chất lượng lao động trên thị trường. Hỗ trợ phát triển kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn để tạo thêm công ăn việc làm, tham gia vào thị trường lao động khu vực và quốc tế để đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Thúc đẩy việc mở rộng hoạt động giao dịch trên thị trường lao động, phát triển hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm.

- Đối với thị trường khoa học - công nghệ: Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản dưới luật liên quan tới sở hữu trí tuệ cho phù hợp với thông

lệ quốc tế và tiến trình hội nhập của Việt Nam. Đổi mới công tác quản lý và tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ theo hướng thương mại hóa. Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về tài chính - kế toán trong chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, thị trường khoa học - công nghệ nhằm tăng cường đóng góp của khoa học - công nghệ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, chính sách tài khóa và tiền tệ

- Đối với chính sách tài khóa: Hoàn thiện pháp luật về tài chính công, xác định rõ nguồn thu và cơ cấu chi của ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, thống nhất chế độ chi tiêu, xác định cơ chế đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước. Cải cách pháp luật về thuế theo hướng ổn định, đơn giản hơn, mức thuế phù hợp, có tính đến các định chế kinh tế quốc tế và khu vực cũng như các điều ước quốc tế khác có liên quan. Xây dựng lộ trình và thực hiện các giải pháp cho việc giảm bội chi và cân đối ngân sách nhà nước một cách tích cực, giảm tỉ trọng chi thường xuyên, tăng tỉ trọng chi đầu tư phát triển. Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, xử lý các tổn tại tài chính, lao động dôi dư theo

cơ chế thị trường trong quá trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, giải phóng nguồn lực, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động và hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. Tổ chức quản lý, giám sát hoạt động của thị trường tài chính và dịch vụ tài chính, đảm bảo thị

trường vận hành thông suốt, phù hợp với các thông lệ quốc tế.

- Đối với chính sách tiền tệ: Thực hiện điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, cùng với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế, duy trì ổn định thị trường tiền tệ.

Bốn là, thực hiện các cải cách kinh tế trong nước theo hướng thị trường tạo điều kiện cho HNKTQT

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu: Thực hiện thể chế hóa quyền tài sản của Nhà



**Bộ trưởng thuộc 12 quốc gia tham gia ký kết TPP
ngày 4/2/2016 tại New Zealand**

Ảnh: dangcongsan.vn

nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định tại Hiến pháp năm 2013, bao gồm: quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản. Định hướng cơ bản của hoàn thiện chế độ sở hữu là: (1) Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là Nhà nước, đồng thời bảo đảm và tôn trọng các quyền của người sử dụng đất; (2) Tách biệt vai trò của Nhà nước với

tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế - xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; (3) Quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với xã hội. Bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sở hữu tập thể, các hợp tác xã, bảo vệ quyền và lợi ích của xã viên đối với tài sản. Tạo cơ chế khuyến khích liên kết giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, làm cho chế độ sở hữu cổ phần, sở hữu hỗn hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của doanh nghiệp trong nền kinh tế; (4) Ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Hoàn thiện thể chế về phân phối: Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo hướng bảo đảm tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Các nguồn lực xã hội phải được phân bổ theo cơ chế thị trường và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội. Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, của người lao động và của doanh nghiệp; tạo động lực cho người lao động.

- Phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, cụ thể: (1) Đổi mới, sắp xếp lại, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng: tập trung hoạt động của doanh nghiệp nhà nước

vào một số ngành, lĩnh vực bảo đảm lợi ích kinh tế quốc gia; an ninh kinh tế; quốc phòng an ninh; dịch vụ công ích; kết cấu hạ tầng; tạo nền tảng cho phát triển công nghiệp với công nghệ cao; tạo nền tảng để hội nhập và cạnh tranh quốc tế; (2) Đổi mới, phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác theo cơ chế thị trường, dựa trên nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng; (3) Đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả; (4) Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước; (5) Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí cao trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với doanh nghiệp trong nước. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; (6) Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh với sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần. Tạo dựng và thực hiện nhất quán một mặt bằng pháp lý kinh doanh không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế.

- Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường: Hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Thực hiện nhất quán cơ

chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu; đồng thời, có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số; không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá. Hoàn thiện pháp luật về phí, lệ phí; rà soát, chuyển đổi chính sách phí, lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ. Mở rộng cơ chế đấu thầu, đấu giá, thẩm định giá.

Hoàn thiện khung pháp lý trong ký kết và thực hiện hợp đồng. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư và giải quyết tranh chấp phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết quốc tế. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường và tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa, dịch vụ và xử lý sai phạm. Tự do hóa thương mại và đầu tư phù hợp với cam kết quốc tế.

Xây dựng và thực hiện các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của người tiêu dùng, các hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nền kinh tế.

- Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường: (1) Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc và căn cứ cách mạng trước đây. Tạo điều kiện để mọi công dân nắm bắt cơ hội làm ăn, nâng cao thu nhập và đời sống, được hưởng thành quả chung của sự phát triển; (2) Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mở

rộng các hình thức bảo hiểm bắt buộc và tự nguyện, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm. Chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội, bảo đảm cho họ có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt hơn vào cuộc sống và tự vươn lên. Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; (3) Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm, xử lý triệt để những điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ngăn chặn không để phát sinh thêm.

Năm là, cơ cấu lại nền kinh tế đáp ứng yêu cầu HNKTQT

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Tuấn Anh, *HNKTQT và những vấn đề đặt ra cho giai đoạn tới*, tham luận thảo luận các văn kiện Đại hội XII tháng 01/2016, HN. 2016
2. Mutrap, *Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới - Giải thích các điều kiện gia nhập*, Nxb Lao động xã hội, HN. 2008
3. Vo Tri Thanh, Nguyen Anh Dương, *Vietnam after two years of WTO Accession: What lesson can be learnt?*, ASEAN Economic Bulletin 26(1) April, 2009
4. TS. Nguyễn Văn Thúc, *Thực tiễn và sáng tạo trong đổi mới thể chế kinh tế ở Việt Nam*, Tạp chí Triết học, số 4 (227)/2010